TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U** **TỈNH C**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST Ngày 05 - 4 - 2024 V/v Ly hôn và chia tài sản khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HUYỆN U, TỈNH C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Đức Tính;

Ông Trần Thanh Thía.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý, Thư ký Huyện U, tỉnh C.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở huyện U, tỉnh C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1999.

Địa chỉ: Ấp H, xã K, huyện U, tỉnh C.

- Bị đơn: Chị Phan Hồng T1, sinh năm: 2002.

Địa chỉ: Ấp I, xã K, huyện U, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 12 năm 2023, các lời trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh với chị T1 được mai mối, gia đình tổ chức đám cưới, tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U. Quá trình chung sống do không tìm hiểu trước nên không có tiếng nói chung nên dẫn đến mâu thuẫn và vợ đã về nhà cha mẹ vợ ở. Anh xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên yêu cầu ly hôn với chị Phan Hồng T1.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Có 11 chỉ vàng 24K và 01 chỉ vàng 18K, là cha mẹ cho khi cưới. Hiện số vàng này chị Phan Hồng T1 đang quản lý. Khi ly hôn anh yêu cầu chia tài sản chung theo quy định pháp luật. Anh thống nhất việc có 01 chỉ

vàng 24K bị hư và đã đổi, chỉ còn lại 10 chỉ vàng 24K. Việc T1 tự ý bán 07 chỉ vàng sau khi về bên vợ không nói cho anh biết nên anh không đồng ý và vẫn giữ yêu cầu chia 10 chỉ vàng 24K và 01 chỉ vàng 18K. Về nợ chung: Không có.

- Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn chị Phan Hồng T1 trình bày: Sau khi cưới vợ chồng chung sống không hạnh phúc do chị bị bệnh bên chồng không quan tâm chăm sóc, chị đã về nhà cha mẹ ruột sống. Nay anh T yêu cầu ly hôn chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Khi cưới cha mẹ chồng cho vợ chồng là 11 chỉ vàng 24K nhưng sau đó đôi bông bị hư nên đã đổi 01 chỉ còn lại 10 chỉ vàng 24K, còn 01 chỉ vàng 18K là nhẫn vàng khi cự cãi chị đã ném xuống sông bên nhà chồng, chỉ đem theo 10 chỉ vàng 24K. Sau khi về nhà cha mẹ ruột thì chị đã bán 07 chỉ để trị bệnh, hiện còn 03 chỉ vàng 24K, nên chỉ đồng ý chia 03 chỉ vàng 24K. Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp theo yêu cầu của anh Nguyễn Văn T được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn, chia tài sản khi ly hôn và thuộc thẩm quyền của Huyện U, tỉnh C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Anh Nguyễn Văn T và chị Phan Hồng T1 tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân của anh Nguyễn Văn T và chị Phan Hồng T1 là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi cưới thì giữa anh Nguyễn Văn T và chị Phan Hồng T1 không có sự hòa hợp trong cuộc sống hôn nhân, từ đó dẫn đến việc vợ chồng đã không còn chung sống cùng nhau, anh T yêu cầu ly hôn chị T1 đồng ý ly hôn, cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể tiếp tục nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Nguyễn Văn T và chị Phan Hồng T1 ly hôn.

- Về con chung: Không có.

- Tài sản chung: Chị T1 xác định tài sản chung chị T1 quản lý còn lại là 10 chỉ vàng 24K và 01 chỉ vàng 18K còn 01 chỉ vàng 18K. Khi chị T1 về nhà cha mẹ sống thì có mang theo số vàng là 10 chỉ vàng 24K còn 01 chỉ vàng 18K chị đã ném bỏ nên không còn, hiện chỉ còn 03 chỉ do đã bán 07 chỉ để trị bệnh khi chị về cha mẹ ruột sống; Xét thấy, đối với số vàng chị T1 quản lý là tài sản chung của vợ chồng có được sau khi cưới nhưng việc chi xài và ném bỏ là do tự ý của chị T1 không có sự quyết định chung của vợ chồng, không vì mục đích thiết yếu của gia đình nên việc chị T1 chỉ đồng ý chia số vàng còn lại là 03 chỉ vàng 24K là không có căn cứ. Số vàng là tài sản chung của vợ chồng chị T1 quản lý nên anh T yêu cầu chia là có cơ sở, từ đó Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu anh T yêu cầu chia tài sản chung, theo đó, tài sản chung được xác định là 10 chỉ vàng 24K và 01 chỉ vàng 18K, mỗi người được chia 05 chỉ vàng 24K và 05 phân

vàng 18K chị T1 là người quản lý nên buộc chị T1 giao lại cho anh T 05 chỉ vàng 24K và 05 phân vàng 18K. Nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh T phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch là 300.000 đồng, án phí đối với tài sản được chia là 1.860.000 đồng. Án phí chị T1 phải chịu đối với tài sản được chia là 1.860.000 đồng (tại thời điểm xét xử vàng 18K được xác định giá là 4.500.000 đồng/chỉ, vàng 24K có giá 6.990.000 đồng/chỉ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Áp dụng khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Phan Hồng T1.

- Con chung: Không có.

- Tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh Nguyễn Văn T. Tài sản chung của vợ chồng là 10 chỉ vàng 24K và 01 chỉ vàng 18K. Anh T, chị T1 mỗi người được chia 05 chỉ vàng 24K và 05 phân vàng 18K. Buộc chị Phan Hồng T1 giao lại cho anh Nguyễn Văn T 05 (năm) chỉ vàng 24K và 05 (năm) phân vàng 18K. Nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh T phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch là 300.000 đồng, án phí đối với tài sản được chia là 1.860.000 đồng. Anh Nguyễn Văn T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu số 0006139 ngày 02 tháng 01 năm 2024 và số tiền 921.000 tại biên lai thu số 0006138 ngày 02 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U, tỉnh C chuyển thu án phí. Anh T phải nộp tiếp án phí số tiền 939.000 (Chín trăm ba mươi chín ngàn) đồng.

Án phí chị Phan Hồng T1 phải chịu đối với tài sản được chia là 1.860.000 (Một triệu, tám trăm sáu mươi ngàn) đồng (chưa nộp).

- Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh C;
- VKSND huyện U;
- Chi cục THADS huyện U;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Hằng